

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

Chỉ số VNIndex tăng điểm nhẹ phiên hôm nay sau khi Thủ tướng Chính phủ đồng ý mở lại 1 số đường bay thương mại quốc tế trong tháng 9

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tăng điểm trong bối cảnh TTCK toàn cầu phục hồi trở lại

[Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

HDB

[Quan điểm đầu tư]

Sau khi mở một phần trạng thái giãn hạn ở vùng giá thấp, NĐT được khuyến nghị chờ chỉ số quay xuống vùng hỗ trợ hoặc vượt qua được vùng kháng cự trước khi tăng tỷ trọng y

11/09/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	888.97	+0.02
VN30	825.56	-0.04
HĐTL VN30F1M	827.90	+0.53
HNXIndex	126.21	+0.31
HNX30	234.31	+0.73
UPCoM	59.09	+0.10
USD/VND	23,176	+0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.86	-2
Lãi suất qua đêm (%)	0.16	+6
Dầu (WTI, \$)	37.34	+0.11
Vàng (LME, \$)	1,944.70	-0.07

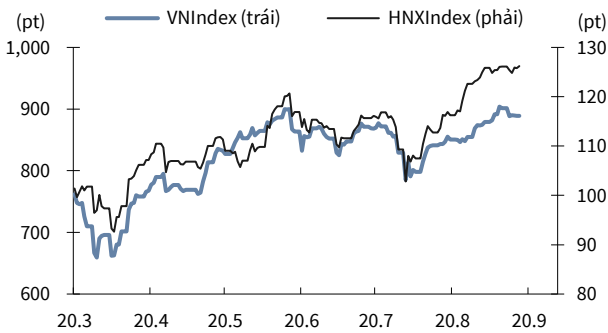


Điểm nhấn thị trường

VNIndex	888.97 (+0.02%)
KLGD (triệu CP)	269.6 (-3.3%)
GTGD (triệu US\$)	238.1 (-51.7%)
HNXIndex	126.21 (+0.31%)
KLGD (triệu CP)	49.8 (+4.3%)
GTGD (triệu US\$)	21.5 (+11.8%)
UPCoM	59.09 (+0.10%)
KLGD (triệu CP)	47.9 (+107.8%)
GTGD (triệu US\$)	8.8 (+4.0%)
NĐTNN mua ròng (triệu US\$)	-12.8

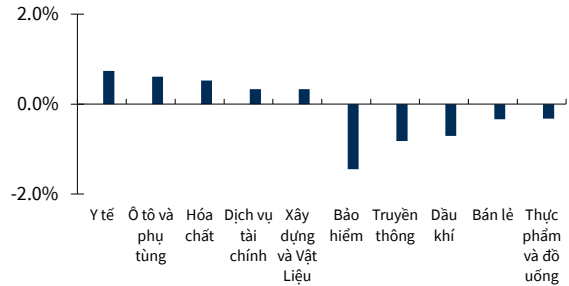
Chỉ số VNIndex tăng điểm nhẹ phiên hôm nay sau khi Thủ tướng Chính phủ đồng ý mở lại 1 số đường bay thương mại quốc tế trong tháng 9, đồng thời đề nghị các Bộ ngành liên quan nghiên cứu kéo dài thời gian thực hiện giai đoạn 2 của gói an sinh xã hội. Cổ phiếu hàng không như ACV (+2%), SCS (+0.1%) tăng giá trước thông tin trên. Dự báo tích cực của Viện Kế toán Công chứng Anh và xứ Wales (ICAEW) về tăng trưởng kinh tế Việt Nam tiếp tục giúp nhóm cổ phiếu ngân hàng giao dịch khởi sắc ở VCB (+0.2%), CTG (+1.2%). Diễn biến tăng của giá thị lợn trong nước khiến nhóm cổ phiếu chăn nuôi heo tăng giá ở DBC (+4.3%), MML (+0.5%). Cổ phiếu dầu khí điều chỉnh ở GAS (-0.3%), PVS (-0.8%) trước diễn biến giảm của giá dầu thế giới phiên ngày hôm qua sau khi tồn kho dầu ở Mỹ bất ngờ tăng mạnh. Nhà đầu tư nước ngoài có phiên bán ròng, tập trung ở VHM (-0.5%), HPG (-0.4%), KDH (+0.6%).

VNIndex & HNXIndex



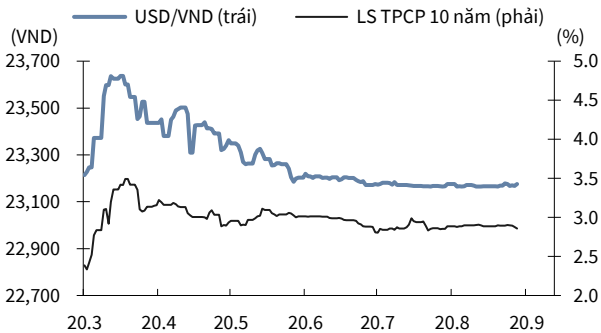
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



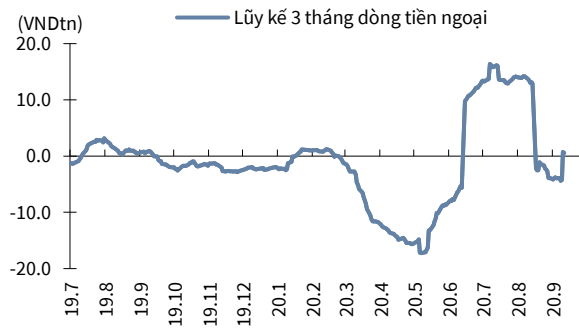
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

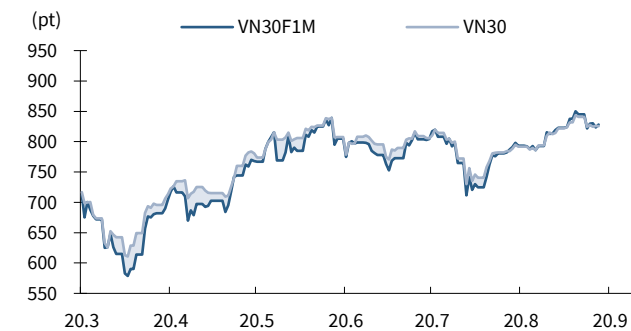
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	825.56 (-0.04%)
VN30F1M	827.9 (+0.53%)
Mở cửa	825.0
Cao nhất	830.2
Thấp nhất	821.2

HĐTL tăng điểm trong bối cảnh TTCK toàn cầu phục hồi trở lại. Chênh lệch F2009 và VN30 mở cửa ở -0.85 và giao động quanh -2.9 và 1.6 trước khi tăng dần và đóng cửa ở mức 2.34 khi NĐT gia tăng vị thế LONG khi chỉ số Dow future tăng điểm. NĐTNN giao dịch trầm lắng và mua ròng nhẹ. Thanh khoản thị trường tiếp tục suy giảm phiên hôm nay.

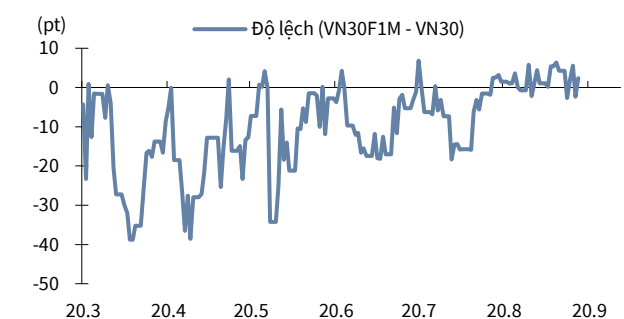
KLGD (HĐ) **142,800 (-10.2%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



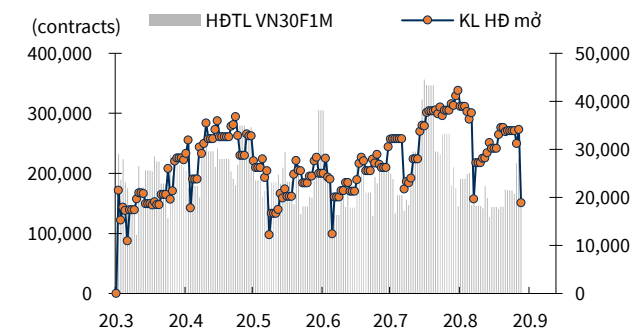
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



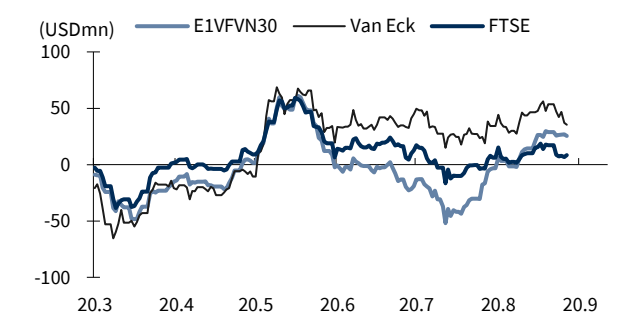
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

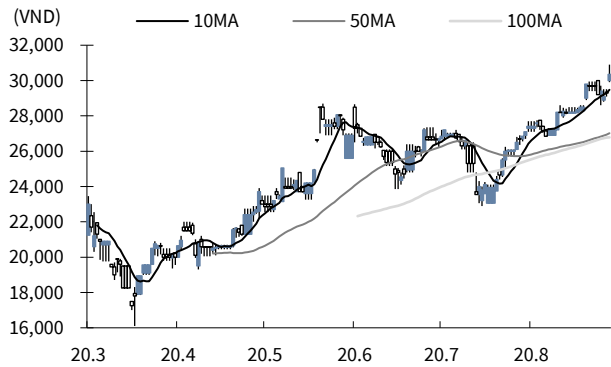
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

HDBank (HDB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HDB tăng 3.6% lên 30,350 VNĐ/cp.
- HDB thông báo ngày 2/10 là thời điểm chốt danh sách cổ đông phát hành cổ phiếu trả cổ tức đợt 1, và phát hành cổ phiếu thưởng để thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Cụ thể, HDB sẽ phát hành gần 145 triệu cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 tỷ lệ 15%, lấy nguồn tư lợi nhuận chưa phân phối trong báo cáo tài chính hợp nhất 2019. Song song với đó, ngân hàng cũng sẽ phát hành 145 triệu cổ phiếu thưởng để thực hiện tăng vốn, tương đương tỷ lệ phát hành 15%, lấy nguồn từ thặng dư vốn cổ phần trong báo cáo tài chính hợp nhất 2019.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co trong biên độ hẹp và đóng cửa không nhiều thay đổi so với phiên trước.
- Hiện tại, chỉ số vẫn đang vận động ở vùng trung tính. Để củng cố được khả năng vượt đỉnh, VNIndex cần vượt được vùng cản 895-900. Trước khi đó, kịch bản tiếp tục điều chỉnh, quay xuống vùng hỗ trợ quanh 875 vẫn đang để ngỏ.
- Sau khi mở một phần trạng thái ngắn hạn ở vùng giá thấp, NĐT được khuyến nghị chờ chỉ số quay xuống vùng hỗ trợ hoặc vượt qua được vùng kháng cự trước khi tăng tỷ trọng.

Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VN30 giảm nhẹ trong khi F1 tăng điểm với diễn biến đi ngang, giằng co.
- Chúng tôi cho rằng trạng thái thị trường vẫn giữ ở mức trung tính với vùng kháng cự ở 831-835 và vùng hỗ trợ ở quanh 810.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục giao dịch 2 chiều trong phiên, SHORT khi chỉ số chạm kháng cự và LONG khi chỉ số quay xuống hỗ trợ.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

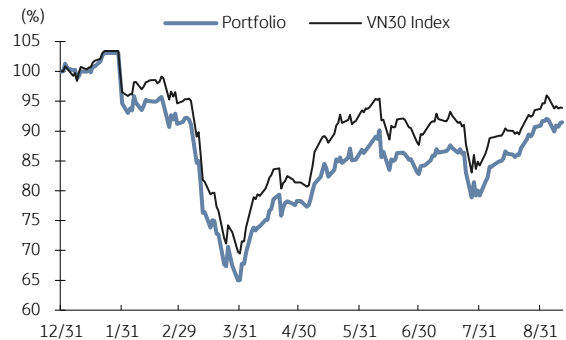
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.04%	0.11%
Tăng lũy kế (YTD)	-6.09%	-8.51%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 11/09/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	93,400	-0.5%	-19.4%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	28,000	1.8%	4.5%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	59,500	-0.5%	-22.4%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	17,850	0.3%	-9.5%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	38,700	-0.8%	13.8%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	49,150	-0.1%	46.8%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	25,600	1.2%	4.9%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	105,800	-0.2%	-18.1%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	24,450	-0.4%	25.1%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	13,800	0.4%	0.7%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PLX	-0.8%	15.6%	155.3
NLG	1.8%	47.9%	26.5
VRE	0.0%	30.6%	25.4
E1VFN30	0.3%	99.0%	21.4
FUEVFVND	-1.1%	100.0%	16.9

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VHM	-0.5%	20.4%	-162.3
HPG	-0.4%	35.2%	-141.0
KDH	0.6%	42.9%	-132.5
VNM	-0.7%	58.6%	-50.9
BID	-0.1%	17.6%	-17.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHB	5.0%	6.5%	21.9
VCS	-0.3%	3.1%	3.2
TIG	-1.4%	14.5%	0.7
INN	0.0%	9.1%	0.2
CVN	1.3%	0.9%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	1.8%	5.6%	-1.2
SLS	0.0%	3.7%	-0.8
PVS	-0.8%	10.4%	-0.8
VIX	-3.2%	0.8%	-0.6
BVS	-1.9%	24.0%	-0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	4.8%	GVR, DPM
Y tế	1.9%	DHG, DMC
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.7%	REE, GMD
Dịch vụ tài chính	1.1%	SSI, AGR
Ô tô và phụ tùng	1.0%	DRC, SVC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-6.1%	BVH, BMI
Dầu khí	-3.6%	PLX, PVD
Truyền thông	-3.6%	YEG, PNC
Ngân hàng	-2.6%	VCB, BID
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-2.5%	GAS, POW

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	15.4%	GVR, DGC
Bán lẻ	11.4%	MWG, DGW
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	10.8%	GEX, GMD
Dịch vụ tài chính	10.4%	VCI, OGC
Dầu khí	8.5%	PLX, PVD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-2.2%	YEG, PNC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.5%	GAS, TTE
Tài nguyên Cơ bản	2.2%	VIS, DTL
Bất động sản	2.5%	VHM, NVL
Ngân hàng	3.8%	VCB, BID

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	91,100	308,139 (13,296)	55,801 (2.4)	22.9	49.7	36.5	21.9	6.6	8.7	3.5	3.2	0.7	-3.1	4.1	-20.8
	VHM	VINHOMES JSC	77,700	255,595 (11,028)	152,479 (6.6)	28.7	9.5	8.3	34.8	38.3	30.6	3.0	2.3	-0.5	-2.9	-2.1	-8.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	28,400	64,534 (2,785)	76,653 (3.3)	18.4	25.4	18.8	2.7	9.1	11.7	2.2	2.1	0.0	-0.4	8.0	-16.5
	NVL	NO VA LAND INVES	62,900	61,065 (2,635)	83,168 (3.6)	32.7	16.7	17.4	1.8	14.3	11.9	2.4	-	0.2	0.2	-2.8	5.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	24,100	13,467 (581)	13,819 (0.6)	6.1	12.4	10.3	14.7	14.1	15.8	1.6	1.4	0.6	-3.4	3.7	-5.9
	DXG	DAT XANH GROUP	9,970	5,167 (223)	46,478 (2.0)	13.5	7.3	4.9	-29.0	7.4	14.0	0.6	0.5	0.5	-0.3	4.6	-31.2
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	82,300	305,241 (13,171)	99,602 (4.3)	6.5	18.2	15.1	11.8	19.9	19.6	3.1	2.6	0.2	-3.1	0.2	-8.8
	BID	BANK FOR INVESTM	40,450	162,691 (7,020)	50,838 (2.2)	12.4	34.6	20.0	-10.3	9.1	12.3	2.2	2.0	-0.1	-3.9	5.1	-12.4
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	21,300	74,553 (3,217)	49,968 (2.2)	0.0	7.3	6.2	3.6	15.6	15.5	1.0	0.9	-0.7	-2.5	9.5	-9.6
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,600	95,319 (4,113)	131,325 (5.7)	0.0	13.8	11.2	18.7	10.2	11.4	1.2	1.1	1.2	-1.5	10.3	22.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,850	55,703 (2,403)	95,852 (4.1)	0.0	7.2	6.2	1.6	16.7	16.2	1.1	0.9	0.2	-2.6	6.5	14.3
	MBB	MILITARY COMMERC	17,850	43,044 (1,857)	87,105 (3.8)	0.0	5.9	5.0	8.0	18.0	17.6	0.9	0.8	0.3	-1.1	8.2	-14.2
	HDB	HDBANK	30,350	29,316 (1,265)	33,072 (1.4)	9.3	7.3	6.4	20.1	20.2	20.1	1.3	1.1	3.6	2.2	13.7	10.2
	STB	SACOMBANK	11,150	20,111 (868)	88,501 (3.8)	14.3	12.4	7.8	1.6	6.8	9.0	0.7	0.7	-0.4	-1.3	4.7	10.9
	TPB	TIEN PHONG COMME	23,150	18,904 (816)	10,212 (0.4)	0.0	6.6	5.2	26.3	22.5	20.2	1.2	1.0	-0.4	0.0	9.7	10.0
EIB	VIETNAM EXPORT-I	16,700	20,532 (886)	4,374 (0.2)	0.1	35.9	34.4	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.2	-0.6	-2.1	-1.8	-6.2	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	47,650	35,372 (1,526)	45,981 (2.0)	20.7	28.9	24.5	2.6	6.3	7.7	1.8	1.7	-1.3	-7.1	5.3	-30.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	24,500	2,238 (097)	9,698 (0.4)	14.2	-	-	-	8.2	9.1	1.0	0.9	-0.6	-3.2	14.5	-1.2
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	15,750	9,465 (408)	76,788 (3.3)	51.8	10.9	8.8	-16.8	9.0	10.6	0.9	0.8	-0.6	2.3	7.1	1.2
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,800	4,600 (198)	24,057 (1.0)	71.1	9.9	7.7	-24.9	11.1	13.0	1.0	0.9	0.0	0.0	26.4	-5.8
	HCM	HO CHI MINH CITY	19,800	6,040 (261)	56,429 (2.4)	51.1	13.5	8.4	-22.5	11.0	17.1	1.4	1.3	-0.3	1.5	10.9	-7.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	12,500	2,607 (112)	7,036 (0.3)	13.8	11.2	7.1	-19.1	7.4	11.2	0.8	0.7	0.4	2.0	7.3	-13.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	123,800	215,583 (9,302)	166,244 (7.2)	41.4	20.8	19.3	6.6	37.8	38.2	7.2	6.4	-0.7	-1.0	8.1	6.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	188,000	120,561 (5,202)	22,632 (1.0)	36.8	29.7	25.7	-1.0	20.9	23.2	6.0	5.4	-0.5	-2.2	5.3	-17.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	55,000	64,608 (2,788)	73,387 (3.2)	10.9	73.2	28.4	-57.2	2.2	6.0	1.5	1.6	0.4	-2.3	0.7	-2.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,350	13,691 (591)	23,309 (1.0)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-1.2	2.5	3.3	-11.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	105,800	55,422 (2,391)	45,182 (1.9)	12.3	-	16.1	-	8.9	21.4	3.4	3.2	-0.2	-1.7	6.3	-27.6
	GMD	GEMADEPT CORP	23,600	7,007 (302)	16,535 (0.7)	0.0	18.3	16.3	-54.7	6.9	7.5	1.2	1.2	-0.8	5.4	13.7	1.3
	CII	HO CHI MINH CITY	17,950	4,287 (185)	23,438 (1.0)	34.5	9.0	8.4	142.2	9.6	9.4	0.8	0.8	-0.3	-2.4	0.6	-20.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,180	1,237 (053)	13,000 (0.6)	46.9	-	-	-	-	-	-	-	0.5	-1.8	-7.2	-87.4
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	25,250	11,867 (512)	164,457 (7.1)	33.4	30.9	13.3	-20.9	10.5	13.6	-	-	-2.5	-1.0	20.2	30.5
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,700	5,623 (243)	48,931 (2.1)	2.3	9.7	9.7	-37.9	6.7	7.0	0.7	0.6	-0.1	-2.1	-5.6	43.7
	REE	REE	38,700	11,999 (518)	16,639 (0.7)	0.0	7.9	7.0	-9.9	13.4	14.0	1.1	1.0	-0.8	3.8	12.2	6.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	71,800	137,422 (5,929)	48,362 (2.1)	45.7	18.4	14.4	-18.6	15.5	19.2	2.8	2.6	-0.3	-3.8	2.6	-23.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,750	6,837 (295)	5,496 (0.2)	30.2	9.8	9.6	-2.8	16.8	17.4	1.6	1.6	1.7	3.5	10.0	9.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	24,300	7,791 (336)	5,205 (0.2)	32.8	8.4	8.9	-8.9	15.5	14.5	1.3	1.3	-0.6	3.4	5.2	-9.7
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,450	81,010 (3,495)	298,779 (12.9)	13.8	8.6	7.2	3.7	18.1	19.4	1.5	1.2	-0.4	-2.0	0.8	24.9
	DPM	PETROVIETNAM FER	16,850	6,594 (285)	61,563 (2.7)	37.8	11.0	11.7	-0.7	8.8	7.9	0.8	0.8	0.0	5.0	19.9	30.1
	DCM	PETRO CA MAU FER	9,400	4,976 (215)	19,223 (0.8)	47.2	-	-	-	-	-	-	-	0.5	2.5	12.3	44.6
	HSG	HOA SEN GROUP	11,900	5,288 (228)	99,969 (4.3)	39.7	6.3	6.4	45.8	14.4	12.5	0.8	0.7	0.4	0.4	4.4	60.0
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,550	2,651 (114)	42,243 (1.8)	97.6	5.9	6.8	45.6	13.3	10.5	0.7	0.6	-0.4	0.0	9.1	-1.2
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	49,700	59,929 (2,586)	76,570 (3.3)	4.5	48.3	17.8	-40.0	5.8	15.1	2.5	2.1	-0.8	-3.7	8.8	-11.3
	PVD	PETROVIETNAM DRI	10,900	4,590 (198)	65,119 (2.8)	37.1	42.8	21.9	-15.6	0.9	0.8	0.3	0.3	0.5	-2.7	5.8	-27.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	11,600	3,265 (141)	21,742 (0.9)	28.4	7.6	6.7	-18.0	9.2	9.9	0.6	0.6	0.0	-1.3	12.6	-31.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,400	42,280 (1,824)	85,627 (3.7)	0.0	12.0	9.4	9.5	26.8	27.4	2.8	2.2	-0.5	-0.7	17.5	-18.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	59,500	13,395 (578)	38,556 (1.7)	0.0	15.3	12.8	-1.8	21.3	23.2	2.7	2.4	-0.5	-1.8	8.0	-30.8
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	49,000	1,446 (062)	679 (0.0)	69.3	20.6	15.0	-28.1	6.7	8.5	1.3	1.2	-0.4	-3.0	-1.8	32.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	24,100	1,903 (082)	14,880 (0.6)	13.3	16.1	10.9	-41.1	9.1	12.6	1.3	1.2	-1.4	3.0	6.2	14.5
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	58,500	7,927 (342)	81,402 (3.5)	36.2	7.5	7.2	29.4	36.8	29.8	2.6	2.3	0.0	0.9	8.9	53.1
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	104,500	13,663 (590)	1,242 (0.1)	45.3	20.5	18.9	8.0	20.3	19.8	3.8	3.6	1.6	2.4	8.1	14.2
	PME	PYMEPHARCO JSC	70,400	5,281 (228)	3,569 (0.2)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	0.6	1.1	11.7	29.7
IT	FPT	FPT CORP	49,150	38,529 (1,662)	90,805 (3.9)	0.0	11.3	9.7	18.3	23.9	25.0	2.4	2.1	-0.1	-1.7	4.6	-3.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công

congt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền

huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin

shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.